

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG LÂM NGHIỆP BÌNH DƯƠNG**

Năm báo cáo: **2018**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Bình Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3701815415
- Vốn điều lệ (VĐL): 106.883.630.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 106.883.630.000 đồng
- Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: 0274.3674955
- Website: <http://cpnonglamnghiepbinhduong.vn/>
- Mã cổ phiếu: AFC

* Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Nông lâm nghiệp Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương (100% vốn nhà nước). Cụ thể, các mốc thời gian:

Ngày 03/08/2016, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

Công ty giao dịch chứng khoán lần đầu trên sàn giao dịch Upcom ngày 12/6/2017.

Công ty đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh ngày 12/7/2018.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

+ Trồng rừng và chăm sóc rừng.



- + Trồng và khai thác cây điều, cây cao su và cây lâu năm khác.
- + Cho thuê chuồng trại chăn nuôi dưới tán rừng.
- + Thu mua nông sản (mủ cao su).

- Địa bàn kinh doanh: tỉnh Bình Dương.

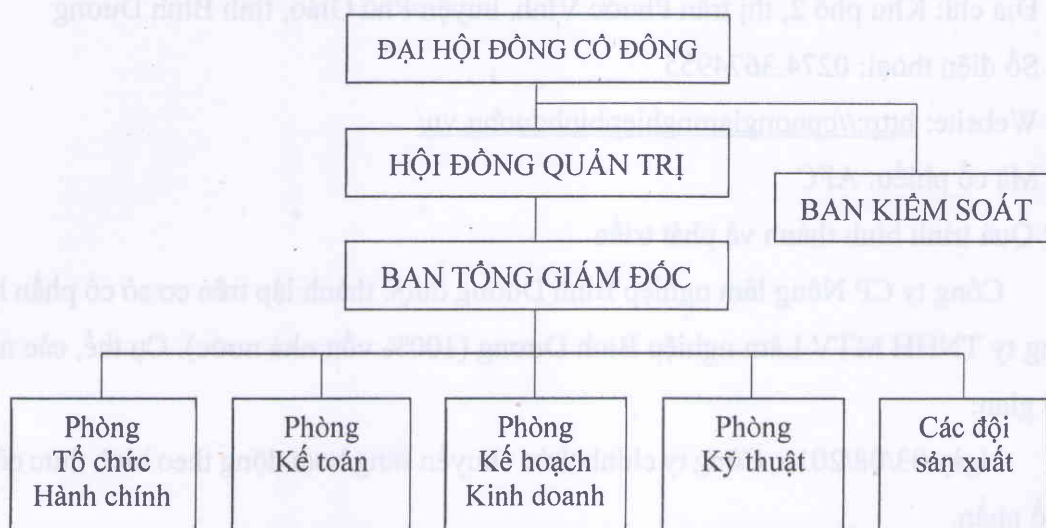
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát
- + Ban điều hành
- + Các đơn vị/ bộ phận chuyên môn

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ tổ chức công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Duy trì, ổn định và khai thác lợi ích từ những lĩnh vực, ngành nghề đã đầu tư (trồng trọt: cao su, điều; chăn nuôi: gia súc, gia cầm).

+ Thâm canh, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ đối với vườn cây kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng.

+ Thu hút đội ngũ người lao động có tay nghề vào làm việc ổn định trong công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tìm kiếm nguồn giống chất lượng cao, cơ cấu lại vườn cây kinh doanh đến thời kỳ thanh lý (cao su, điều).

+ Đầu tư phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng công nghệ cao dưới tán cây rừng trồng nhằm tận dụng lợi thế về không gian và sản phẩm phụ hỗ trợ trồng trọt.

5. Các rủi ro:

- Thiên tai, dịch bệnh:

+ Gió lốc làm gãy đổ cây trồng (cao su) vào mùa mưa, thiệt hại giảm sản lượng vườn cây.

+ Dịch bệnh phát triển trên cây điều trên quy mô rộng ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ trong đó có vườn cây điều của công ty (bọ xít muỗi). Dịch hại trên cây cao su (bệnh nám hồng, phấn trắng, khô miệng cạo). Các dịch bệnh trên làm giảm sản lượng vườn cây, tăng chi phí, dẫn đến giảm lợi nhuận.

- Quá trình công nghiệp hóa những địa bàn lân cận, tác động trực tiếp đến nguồn cung cấp lao động cho công ty (đa số lao động trực tiếp có trình độ thấp, sức khỏe hạn chế, không có khả năng xin vào làm công nhân các khu công nghiệp).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Tổng doanh thu thực hiện trong năm: 50.214 triệu đồng, đạt 69% kế hoạch đề ra tại nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018.

- Tổng chi phí: 49.110 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 1.104 triệu đồng.

- Nguyên nhân không đạt kế hoạch:

+ Doanh thu năm 2018 đạt 69% kế hoạch, giảm 22,264 tỷ đồng chủ yếu do các nguyên nhân. Thứ nhất, theo kế hoạch cơ cấu tỷ trọng doanh thu chiếm chủ yếu từ hoạt động thu mua mủ cao su, nhưng do giá mủ thấp nhiều hộ dân thanh lý vườn cây hoặc ngừng khai thác, số hộ còn lại giảm cường độ cạo, ngoài ra mùa mưa kéo dài, lượng mủ mua giảm. Tuy nhiên, các trên sản lượng các hoạt động khác phần lớn là đạt kế hoạch. Thứ hai, giá bán mủ cao su giảm, cụ thể giá mủ kế hoạch là 29.287.500 đồng/tấn mủ quy khô, giá mủ bình quân thực hiện trong năm giảm còn 27.314.000 đồng/tấn mủ quy khô.

5701
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

+ Lợi nhuận thực hiện đạt 36% kế hoạch, giảm 1,995 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận từ hoạt động thu mua và hoạt động khai thác mỏ cao su giảm, cụ thể là giảm doanh thu như đã nêu ở trên, trong khi chi phí cố định không thay đổi..

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Văn Phương	Tổng giám đốc
2	Vũ Xuân Chiêu	Phó Tổng giám đốc
3	Đỗ Quang Trường	Phó Tổng giám đốc
4	Quách Thế Vương	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

2.1. Tổng Giám đốc – Bùi Văn Phương

Họ và tên : **BÙI VĂN PHƯƠNG**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 23/02/1966

Số CMND : 280379064

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 290 Phạm Ngọc Thạch, Khu phố 5, Phường Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274.3674955

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế kỹ thuật

Chức vụ tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có.

Số cổ phần nắm giữ: : 4.900 cổ phần, tương ứng với 0,046% VDL Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Số lượng cổ phiếu của tổ chức/người có liên quan nắm giữ : 399.935 cổ phần, tương đương với 3,74% VDL Công

ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

- Vợ: bà Trần Thanh Thúy (CMND số 280720435 cấp ngày cấp 03/08/2009 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 500 cổ phần, tương đương với 0,005% Vốn điều lệ Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

- Con trai: ông Bùi Quang Hải (CMND số 281109824 cấp ngày 09/08/2011 tại CA tỉnh Bình Dương) sở hữu 398.735 cổ phần, tương đương với 3,731% VDL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

- Con gái: bà Bùi Thị Diệu Hằng (CMND số 280916848 cấp ngày 11/12/2013 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 400 cổ phần, tương đương với 0,004% VDL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

- Con rể: ông Đặng Ngọc Duy (CMND số 221145456 cấp ngày 25/09/2013 tại CA tỉnh Phú Yên) sở hữu 300 cổ phần, tương đương với 0,003% VDL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi

ích công ty : Không có

2.2. Phó Tổng Giám đốc – Vũ Xuân Chiếu

Họ và tên : **VŨ XUÂN CHIẾU**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 01/03/1965

Số CMND : 281275566

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Điện thoại : 0274.3674955

Địa chỉ thường trú : Kp 3, Phường Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế- Kỹ thuật

Chức vụ tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc



Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ: : 3.700 cổ phần, tương ứng với 0,035% V&L Công ty CP
Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Số lượng cổ phiếu của tổ chức /người có liên quan
nắm giữ : 0 cổ phiếu

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

2.3. Phó Tổng Giám đốc – Đỗ Quang Trường

Họ và tên : **ĐỖ QUANG TRƯỜNG**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/03/1963

Số CMND : 281187769

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Điện thoại : 0274.3674955

Địa chỉ thường trú : Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư lâm nghiệp.

Chức vụ tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ: : 3.970 cổ phần, tương ứng với 0,037% V&L Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Số lượng cổ phiếu của tổ chức /người có liên quan nắm giữ : 230 cổ phần, tương đương với 0,002% V&L Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

- Vợ: bà Trần Thị Minh Khánh (CMND số 280414197 cấp ngày 05/11/2016 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 120 cổ phần, tương đương với 0,001% V&L Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

- Con trai: ông Đỗ Quang Vinh (CMND số 281209418, cấp ngày 16/07/2015 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 110 cổ phần, tương đương với 0,001% VĐL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với

lợi ích công ty : Không có

2.4. Kế toán trưởng – Quách Thế Vương

Họ và tên : **QUÁCH THẾ VƯƠNG**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 02/08/1986

Số CMND : 280861302

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Ấp Bến Giàng, xã Phú An, Tx. Bến Cát, Bình Dương

Điện thoại : 0274.3674955

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD, Cử nhân Cao đẳng Kế toán.

Chức vụ tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có.

Số cổ phần nắm giữ: : 1.090 cổ phần, tương ứng với 0,01% VĐL Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Số lượng cổ phiếu của tổ chức/người có liên quan nắm giữ

: Mẹ: bà Trịnh Thị Hanh (CMND số 280462454, cấp ngày 07/09/2006 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 110 cổ phiếu, tương đương với 0,001% VĐL của Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với

lợi ích công ty : Không có

- Những thay đổi trong ban điều hành: không có.



2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

TT	Trình độ	Số LĐ tại ngày 01/01	Tỷ lệ %	Số LĐ tại ngày 31/12	Tỷ lệ %
I	Phân loại theo giới tính	52	100	34	100
1	Nam	43	83	29	85
2	Nữ	9	17	5	15
II	Phân loại theo trình độ	52	100	34	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	13	25	10	29
2	Trình độ Cao đẳng	5	10	3	9
3	Trình độ Trung cấp, sơ cấp	15	29	3	9
4	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	19	36	18	53
III	Phân loại theo hợp đồng lao động	52	100	34	100
1	Hợp đồng không thời hạn + lao động bổ nhiệm	29	56	20	59
2	Hợp đồng thời hạn 6 tháng	0	0	0	0
3	Hợp đồng thời hạn từ 1 năm đến 3 năm	23	44	14	41

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- **Dự án xây dựng công trình: Trang trại chăn nuôi 140.000 gà thịt**

Dự án này được điều chỉnh từ dự án xây dựng công trình Trang trại chăn nuôi 10.000 heo thịt, với tổng giá trị đầu tư 26.766 triệu đồng. Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 7/2018.

- **Dự án xây dựng công trình: Trang trại chăn nuôi 224.000 gà thịt**

Tổng mức vốn đầu tư dự án 38.957 triệu đồng. Dự án đã hoàn thành 31/12/2018, đưa vào sử dụng tháng 1/2019.

- **Dự án xây dựng công trình: Trang trại chăn nuôi 160.000 gà giống**

Tổng mức vốn đầu tư dự án 57.530 triệu đồng. Dự án thực hiện theo phương thức xây dựng tới đâu, bàn giao tới đó. Ngày 01/12/2018 đã bàn giao 25% dự án.

- **Dự án chăm sóc các vườn cây XDCB:** các vườn cây được chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, sinh trưởng và phát triển tốt.

Công tác đầu tư XDCB của Công ty từ công tác chuẩn bị đến công tác thực hiện và

quyết toán dự án được thực hiện theo trình tự quy định, đồng thời công tác quản lý, giám sát có năng lực, kinh nghiệm triển khai thực hiện dự án nên tiến độ hoàn thành dự án đạt kế hoạch đã đề ra.

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017 (*)	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	194.259.538.509	281.238.967.007	44,8%
Doanh thu thuần	73.247.087.872	49.742.419.713	(32,1%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2.910.026.525)	650.411.206	-
Lợi nhuận khác	831.481.081	453.522.271	(45,5%)
Lợi nhuận trước thuế	(2.078.545.444)	1.103.933.477	-
Lợi nhuận sau thuế	(2.078.545.444)	1.103.933.477	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

(*) Đã điều chỉnh theo Kết luận của Kiểm toán nhà nước

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017 (*)	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,42	0,56	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,94	0,3	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,46	0,62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,85	1,66	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,13	2,63	
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,38	0,21	



4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,03)	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,01)	0,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,02)	0,004
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,04)	0,01

(*) Đã điều chỉnh theo Kết luận của Kiểm toán nhà nước

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

+ Tổng số cổ phần: 10.688.363 CP

+ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.685.763 CP

+ Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 27/3/2019 (Ngày chốt danh sách cổ đông tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	94	10.685.763	99,98%
	+ Cá nhân	92	3.735.927	34,95%
	+ Tổ chức	2	6.949.836	65,02%
2	Cổ đông nước ngoài			
3	Cổ phiếu quỹ	1	2.600	0,02%
	Tổng Cộng	108	10.688.363	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để trồng và chăm sóc cây bao gồm một số loại phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và phân chuồng từ hoạt động chăn nuôi.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Lượng phân chuồng từ hoạt động chăn nuôi sau khi được xử lý sẽ được dùng cho các vườn cây.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ: trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nước sinh hoạt từ Nhà máy nước Phước Vĩnh, nước mặt từ 09 hồ chứa và lượng nước ngầm công ty sử dụng năm 2018, trong đó chủ yếu là tưới cho vườn cây ăn trái 137.160 m³ nước.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Đến ngày 31/12/2018, Công ty có tổng CBCNV là 34 người. Trình độ CBCNV như sau:

Stt	Trình độ	Số lượng	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	10	29
2	Cao đẳng	3	9
3	Trung cấp, sơ cấp	3	9
4	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	18	53
	Tổng cộng	34	100

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn phúc lợi của người lao động:

018
CÔNG
Ở PH
LÂM
H DU
2-T.B

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 là 6,836 triệu đồng/người.
- Trong năm nâng lương đúng thời hạn và giải quyết các chế độ phụ cấp cho người lao động theo quy định.

- Ngoài các trường hợp thử việc, tất cả các CB – CNV đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, kịp thời. Công ty tiếp tục thực hiện Quy chế trả lương, thưởng được HĐQT ban hành năm 2017. Thỏa ước lao động tập thể được ký với công đoàn, đại diện cán bộ công nhân viên và được cấp trên phê duyệt. Công ty thường xuyên rà soát lại những nhân viên hết hạn hợp đồng, đánh giá lại năng lực nếu đạt yêu cầu thì tiếp tục ký hợp đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: không có.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Do tình hình sản xuất kinh doanh còn khó khăn, nên công ty chưa thể thực hiện.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu đạt 50.214 triệu đồng/72.478 triệu đồng, đạt 69% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận đạt 1.104 triệu đồng/kế hoạch 3.098 triệu đồng.

- Nguyên nhân không đạt kế hoạch chủ yếu (đã nêu tại mục II. 1)
- Những tiến bộ công ty đã đạt được: trong năm, công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ về thu nộp ngân sách, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, tiền lương, chế độ kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản			
	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.312.217.271	5.836.484.410
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	11.617.008.488	21.403.810.698
IV.	Hàng tồn kho	16.167.260.266	15.570.587.470
V.	Tài sản ngắn hạn khác	3.782.646.768	2.726.132.585
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		
I.	Các khoản phải thu dài hạn	3.630.000.000	3.630.000.000
II.	Tài sản cố định	123.054.048.387	102.278.575.003

III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	117.944.488.653	38.553.943.504
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	1.731.297.174	4.260.004.839
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	281.238.967.007	194.259.538.509

b) Tình hình nợ phải trả

	Số dư cuối kỳ này	Khả năng trả nợ
I. Nợ ngắn hạn	62.026.460.710	62.026.460.710
1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.965.374.234	16.965.374.234
Trong hạn	16.965.374.234	16.965.374.234
Quá hạn trả	-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-
Trong hạn	-	-
Quá hạn trả	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	235.542.445	235.542.445
Trong hạn	235.542.445	235.542.445
Quá hạn trả	-	-
4. Phải trả người lao động	296.594.502	296.594.502
Trong hạn	296.594.502	296.594.502
Quá hạn trả	-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	401.173.021	401.173.021
Trong hạn	401.173.021	401.173.021
Quá hạn trả	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	14.469.245.118	14.469.245.118
Trong hạn	14.469.245.118	14.469.245.118
Quá hạn trả	-	-



10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	29.425.000.000	29.425.000.000
Trong hạn	29.425.000.000	29.425.000.000
Quá hạn trả	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	233.531.390	233.531.390
13. Quỹ bình ổn giá	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
II. Nợ dài hạn	113.329.488.264	113.329.488.264
1. Phải trả người bán dài hạn	354.798.093	354.798.093
Trong hạn	354.798.093	354.798.093
Quá hạn trả	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	21.820.000.000	21.820.000.000
Trong hạn	21.820.000.000	21.820.000.000
Quá hạn trả	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	12.948.000.000	12.948.000.000
Trong hạn	12.948.000.000	12.948.000.000
Quá hạn trả	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	78.206.690.171	78.206.690.171
Trong hạn	78.206.690.171	78.206.690.171
Quá hạn trả	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
TỔNG CỘNG	175.355.948.974	175.355.948.974

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp để nâng cao hình ảnh thương hiệu của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Ngoài việc thu mua mủ cao su và khai thác nông sản; công ty đầu tư xây dựng thêm các trang trại chăn nuôi heo, gà để cho thuê. Đây là hoạt động ít rủi ro, nguồn thu tương đối ổn định.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Hoạt động của công ty không ảnh hưởng xấu đến môi trường, xã hội và người lao động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm, công ty đã gặp nhiều khó khăn từ dịch bệnh trên cây trồng, thời tiết cực đoan, giá nông sản bấp bênh. Nhưng tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng phát huy nội lực, đảm bảo thu nhập cho người lao động. Trong năm, không xảy ra cháy rừng, không để cây trồng chết do khô hạn.

Ban Tổng giám đốc có nhiều kinh nghiệm trong ngành, cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, luôn có tinh thần trách nhiệm cao và ý thức làm việc hiệu quả, nỗ lực nâng cao chất lượng công việc, hoạt động của công ty đi vào nền nếp.

Với những kết quả đạt được trong những năm qua, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trong những năm tới: ngoài việc thu mua mủ cao su và khai thác nông sản; công ty đầu tư xây dựng thêm các trang trại chăn nuôi heo, gà nuôi gia công và linh động chuyển sang cho thuê nếu có hiệu quả cao hơn.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Bình Dương.

Chi tiết Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin trên website: <http://www.cpnonglamnghiepbinhduong.vn/> chuyên mục Cổ đông và nhà đầu tư.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Phương